| | |
|---|---|
| **TOÀ ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN VĨNH BẢO**<br>**THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 54/2019/HNGĐ-ST
Ngày 29-10-2019
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VB, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà*: Bà Nguyễn Thị Thương Huyền.

*Các Hội thẩm nhân dân*:

Bà Đào Thị Nguyện

Bà Nguyễn Thị Hoài Thu

***- Thư ký phiên toà***: Bà Phạm Thị Ly Ly - Thư ký Toà án nhân dân huyện VB, Phạm Thị T thành phố Hải Phòng.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện VB tham gia phiên tòa***: Ông Nguyễn Văn Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện VB, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 126/2019/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 5 năm 2019 về ly hôn, tranh chấp nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 49/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 9 năm 2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 34/2019/QĐST-HNGĐ ngày 07 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Phạm Thị T; nơi cư trú: Đội Y, thôn AL2 , xã TP , huyện VB, thành phố Hải Phòng; vắng mặt (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn*: Anh Bùi Văn K; nơi cư trú: Đội Y, thôn AL2 , xã TP , huyện VB, thành phố Hải Phòng; vắng mặt (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Phạm Thị T trình bày: Chị và anh Bùi Văn K kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TP , huyện VB, Hải Phòng vào ngày 22-9-2005. Quá trình chung sống, anh chị hòa thuận, hạnh phúc được 04 năm thì phát sinh mâu thuẫn do

anh K  chơi cờ bạc, đánh đập chị. Do mâu thuẫn vợ chồng nên từ cuối năm 2018 đến nay, anh chị đã sống ly thân mỗi người một nơi, không quan tâm đến nhau. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn không thể hàn gắn được, chị đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Bùi Văn K.

Về con chung: Chị và anh K  có 01 con chung là Bùi Hoàng A, sinh ngày 06-6-2006. Khi ly hôn, chị đề nghị Tòa án giao con chung cho chị trực tiếp nuôi dưỡng, việc cấp dưỡng nuôi con chị xin tự giải quyết với anh K .

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai và quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Bùi Văn K xác nhận điều kiện hoàn cảnh kết hôn như chị T  trình bày là đúng. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hòa thuận được 04 năm thì xảy ra mâu thuẫn do vợ chồng không hợp tính nhau. Từ cuối năm 2018 đến nay vợ chồng anh chị sống ly thân, mỗi người ở một nơi, không quan tâm đến nhau. Nay chị T  xin ly hôn, anh đồng ý.

Về con chung: Anh và chị T  có 01 con chung là Bùi Hoàng A, sinh ngày 06-6-2006. Khi ly hôn, anh đề nghị Tòa án giao con chung cho anh trực tiếp nuôi dưỡng, việc cấp dưỡng nuôi con anh xin tự giải quyết với chị T .

Về tài sản chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết

Kiểm sát viên phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng đồng thời phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về: Thẩm quyền giải quyết vụ án, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách của những người tham gia tố tụng; thu thập chứng cứ, việc xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn và các hoạt động tố tụng khác. Nguyên đơn đã chấp hành yêu cầu của Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án như việc giao nộp chứng cứ, tham gia phiên họp, phiên hòa giải theo quy định của pháp luật. Bị đơn không chấp hành quy định của pháp luật như không nộp bản tự khai, không tham gia phiên họp, phiên hòa giải. Tuy nhiên, việc bị đơn vi phạm quyền và nghĩa vụ tố tụng không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án.

Về nội dung vụ án: Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình: Xử cho chị Phạm Thị T được ly hôn với anh Bùi Văn K. Về con chung: Giao con chung Bùi Hoàng A, sinh ngày 06-6-2006 cho chị Phạm Thị T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật, việc cấp dưỡng nuôi con anh

chị tự giải quyết nên không đặt ra để giải quyết. Về tài sản: Chị T và anh K không yêu cầu nên không xem xét giải quyết. Về án phí: Chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng:

[1] Anh Bùi Văn K có hộ khẩu thường trú tại thôn An Lạc 1, xã TP , huyện VB, thành phố Hải Phòng. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án ly hôn giữa chị Phạm Thị T và anh Bùi Văn K thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện VB, thành phố Hải Phòng.

[2] Tại phiên tòa, chị Phạm Thị T và anh Bùi Văn K đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn chị Phạm Thị T, bị đơn anh Bùi Văn K.

- Về nội dung vụ án:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị T và anh Bùi Văn K kết hôn tự nguyện có đăng ký kết hôn tại UBND xã TP , huyện VB, thành phố Hải Phòng vào ngày 22-9-2005 là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, anh chị hoà thuận được khoảng 04 năm thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng không hợp tính nhau nên đã xảy ra xô sát, bất hòa. Do mâu thuẫn vợ chồng nên anh chị đã sống ly thân từ cuối năm 2018 đến nay, mỗi người một nơi, không quan tâm đến nhau. Nay chị T nhận thấy tình nghĩa vợ chồng không còn, mâu thuẫn không thể hàn gắn được, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh K . Quá trình giải quyết vụ án, anh K đồng ý ly hôn với chị T . Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh K đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, yêu cầu của chị Phạm Thị T xin ly hôn với anh Bùi Văn K phù hợp với khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình được chấp nhận.

[4] Về con chung: Chị Phạm Thị T và anh Bùi Văn K có 01 con chung là Bùi Hoàng A, sinh ngày 06-6-2006 hiện đang ở với anh anh K tại xã TP , huyện VB, thành phố Hải Phòng. Khi ly hôn, chị T và anh K cùng yêu cầu được nuôi dưỡng con chung. Xét yêu cầu nuôi con chung của anh chị, Hội đồng xét xử nhận định: Chị T và anh K đều có thu nhập ổn định. Tuy nhiên, con chung Bùi Hoàng A, sinh ngày 06-6-2006 có nguyện vọng xin ở với chị T . Vì vậy, để đảm bảo quyền

lợi về mọi mặt của con cần chấp nhận yêu cầu của chị T , giao con chung Bùi Hoàng A cho chị T  trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình. Việc cấp dưỡng nuôi con, chị T  và anh K  tự giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Chị Phạm Thị T và anh Bùi Văn K không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Căn cứ Điều 146, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 1 Điều 6 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, chị Phạm Thị T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 146, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 266, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ khoản 1 Điều 6 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Phạm Thị T được ly hôn với anh Bùi Văn K.

2. Về con chung: Giao con chung Bùi Hoàng A, sinh ngày 06-6-2006 cho chị Phạm Thị T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Việc cấp dưỡng nuôi con anh chị tự giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Chị Phạm Thị T và anh Bùi Văn K không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Phạm Thị T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Chị T  đã nộp tạm ứng 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện VB theo biên lai thu tiền tạm

ứng án phí số 0001433 ngày 16 tháng 5 năm 2019. Chị T  đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***
- Các đương sự;
- VKSND huyện VB;
- VKSND thành phố Hải Phòng
- TAND Thành phố Hải Phòng;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện VB;
- UBND xã TP huyện VB, thành phố Hải Phòng;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Thương Huyền**